TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **87** /2017/QĐST-HNGĐ	*Sông Công, ngày 14 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa:

***** Nguyên đơn: **Chị Hà Thị Thu N, s**inh năm 1983

Nơi cư trú: xóm Q, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên

* Bị đơn: **Anh Nguyễn Huy T,** sinh năm 1982

Nơi cư trú: TDP 10, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thu N và anh Nguyễn Huy T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thu N và anh Nguyễn Huy T thuận tình ly hôn

* Về con chung: Chị Hà Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thanh B sinh ngày 14/7/2006. Anh T tự nguyện cấp dưỡng

nuôi con 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

* Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản riêng, tài sản cho vay và các khoản nợ: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Hà Thị Thu N tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Anh T đồng ý để chị N tự nguyện chịu án phí. Chị Hà Thị Thu N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010726 ngày 03/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công được chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh;*
- *VKSND;*
- *THADS;*
- *UBND xã Tiên Phong;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Chu Thị Hồng Hải